

FAO - EU FLEGT PROGRAMME



Food and Agriculture
Organization of the
United Nations



Sweden
Sverige



UKaid
From the British people



CENTER FOR RURAL DEVELOPMENT
IN CENTRAL VIETNAM



KẾT QUẢ KHẢO SÁT SƠ BỘ

DOANH NGHIỆP VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN TẠI TỈNH
QUẢNG TRỊ VÀ ĐỒNG NAI

Nội dung

1. Phương pháp đánh giá
2. Kết quả khảo sát từ doanh nghiệp và hộ gia đình
3. Kết quả khảo sát cơ quan liên quan
4. Các phát hiện chính
5. Khuyến nghị

1. Phương pháp đánh giá

- Thu thập và nghiên cứu các tài liệu có sẵn
- Xây dựng bộ công cụ khảo sát: *Thiết kế phiếu điều tra, Tham vấn các bên liên quan, Khảo sát thử, điều chỉnh phiếu*
- Khảo sát thực tế tại các tỉnh: sử dụng tờ rơi để giới thiệu dự án, phỏng vấn theo bảng hỏi, thảo luận nhóm

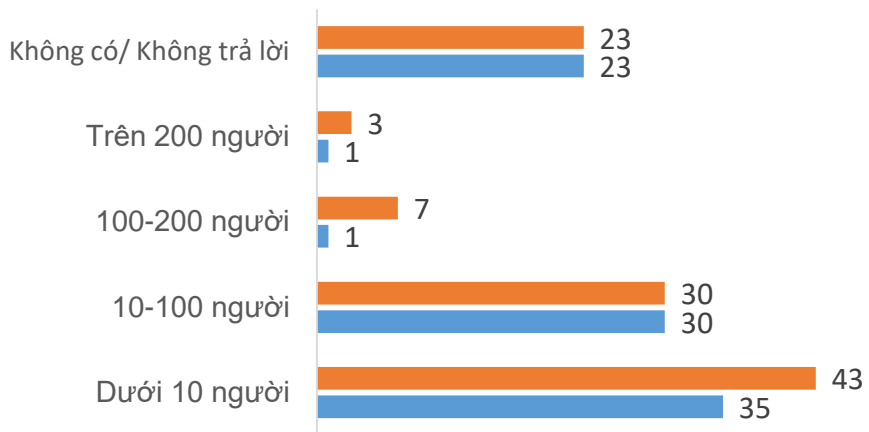
2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp

89 doanh nghiệp: 47 Đồng Nai, 42 Quảng Trị, **3** hộ gia đình: Quảng Trị, **1** hợp tác xã: Đồng Nai

- Doanh nghiệp tư nhân chiếm **97%**, còn lại là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài FDI (**2%**) và doanh nghiệp nhà nước (**1%**).
- **59 DN** doanh thu 3-50 tỷ đồng, **25 DN** doanh thu dưới 3 tỷ đồng, **5 DN** doanh thu 50-200 tỷ đồng, **1 DN** doanh thu trên 200 tỷ
- **84** doanh nghiệp bán tại thị trường trong nước,
- **21** doanh nghiệp xuất khẩu (18 doanh nghiệp xuất khẩu trực tiếp, 3 doanh nghiệp xuất khẩu qua các công ty khác)
- **15** doanh nghiệp vừa bán trong nước, vừa xuất khẩu.
- Kim ngạch xuất khẩu 2 năm liên tiếp (2016 và 2017) có xu hướng tăng

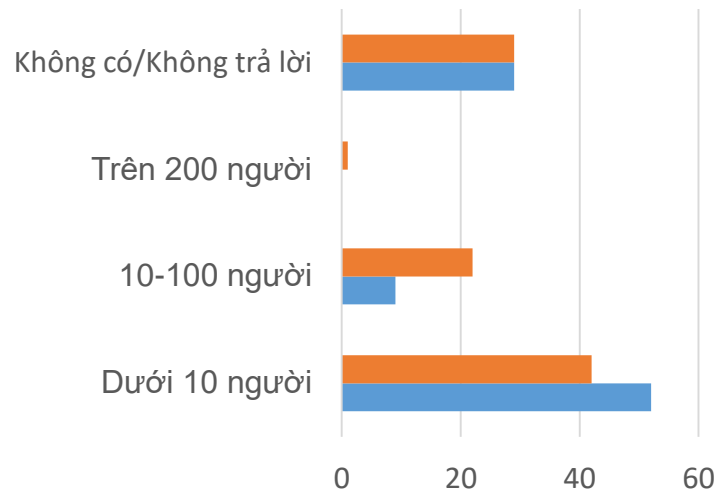
2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

- Đa số các DN có quy mô vừa và nhỏ
- Số DN có quy mô trên 200 rất ít chỉ có 3 DN có số lao động toàn thời gian trên 200 (tập trung vào nhóm DN FDI)

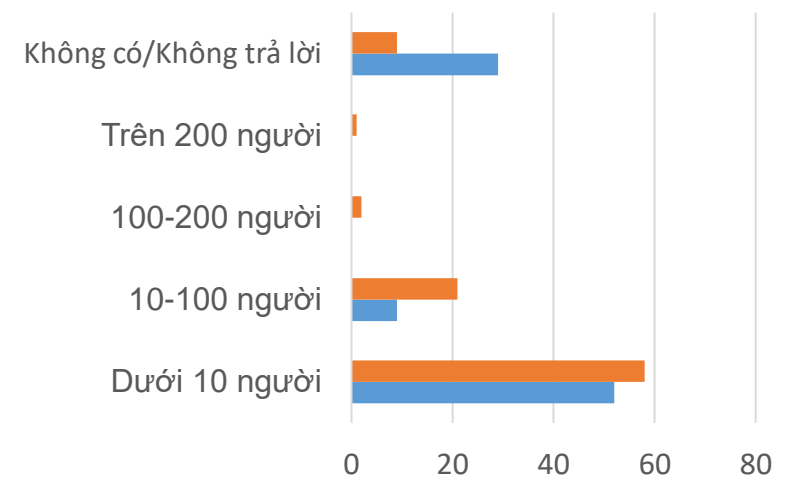


- 1.6.3. Tổng số doanh nghiệp có số lượng lao động toàn thời gian
- 1.6.2. Tổng số doanh nghiệp có số lượng lao động thời vụ

- Tùy theo từng loại hình sản phẩm và loại hình kinh doanh, cũng như thời điểm thì tỷ lệ phân bố lao động giữa các DN là khác nhau
- Do tính chất công việc khá là nặng nhọc nên số lượng nam giới sẽ trội hơn so với nữ



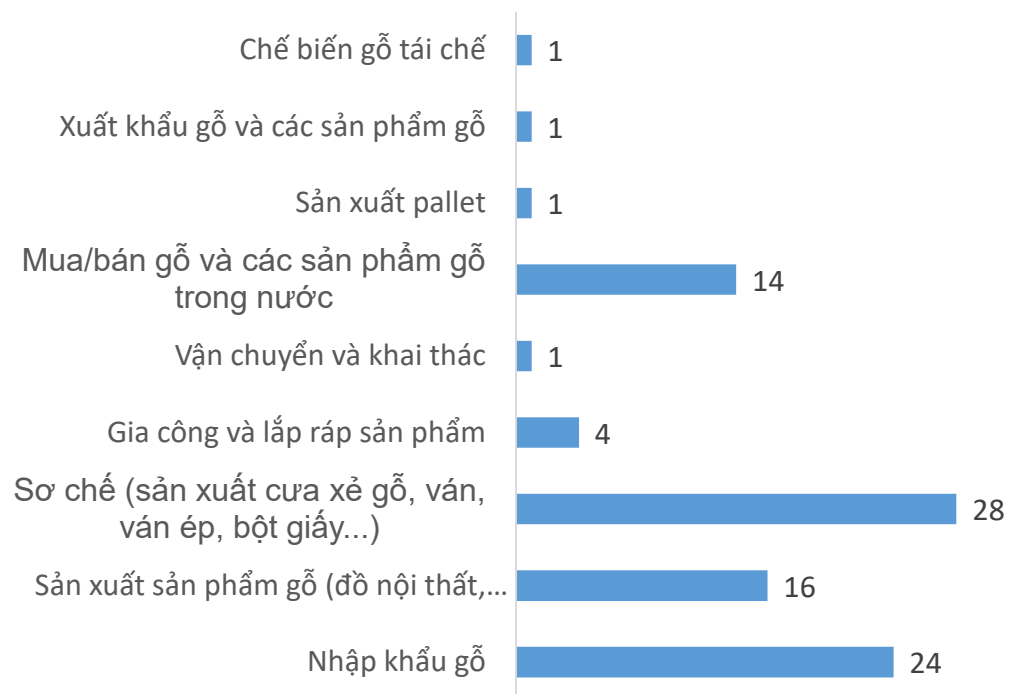
- 1.6.2.1. Số doanh nghiệp có lao động thời vụ là nam
- 1.6.2.1. Số doanh nghiệp có lao động thời vụ là nữ



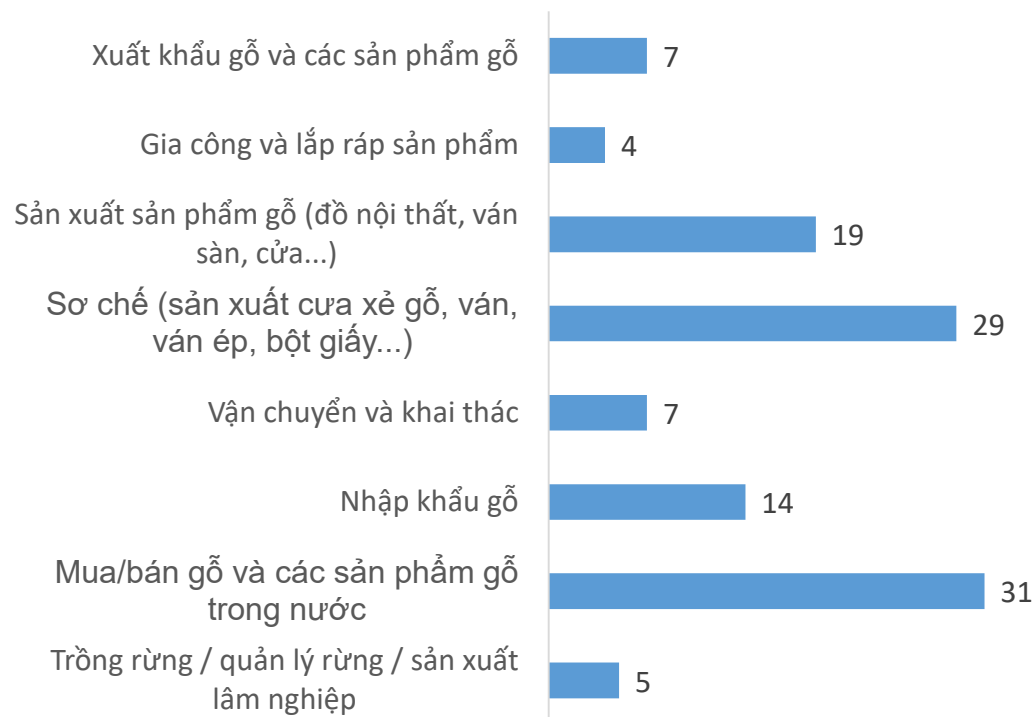
- 1.6.3.1. Số doanh nghiệp có lao động toàn thời gian là nữ
- 1.6.2.1. Số doanh nghiệp có lao động thời vụ là nữ

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Do phần lớn các DN tham gia khảo sát nằm trong nhóm DNNVV nên hoạt động sản xuất kinh doanh chính vẫn là các hoạt động sơ chế (sản xuất cửa xẻ gỗ, ván, ván ép, bột...). Thứ hai là các hoạt động nhập khẩu gỗ, thứ ba là các hoạt động sản xuất sản phẩm gỗ (đồ nội thất, ván sàn, cửa...).



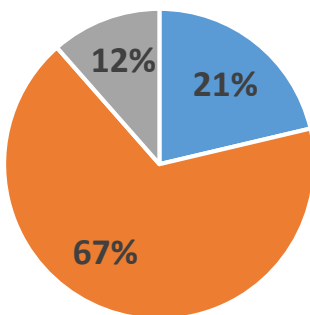
Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của doanh nghiệp



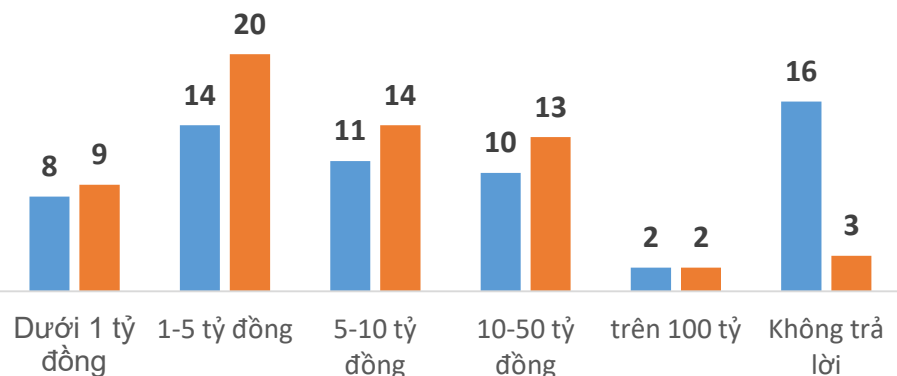
Ngành nghề sản xuất kinh doanh phụ của doanh nghiệp

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

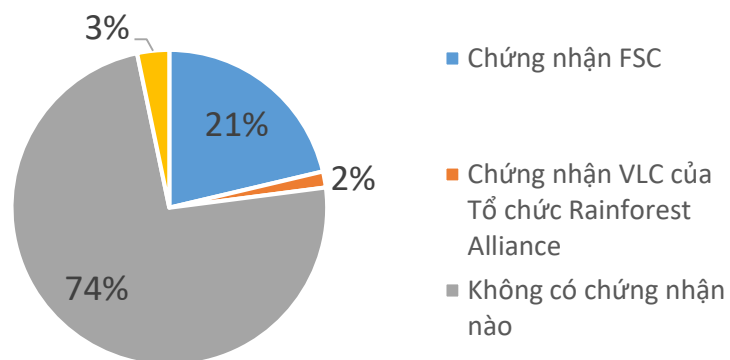
- Nhập trực tiếp
- Mua gỗ nhập qua công ty khác



- 1.8.2.2.Theo giá trị năm 2016
- 1.8.2.3.Theo giá trị năm 2017



- Lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 2 năm liên tiếp 2016 và 2017 có xu hướng tăng
- Chủ yếu các DN mua gỗ nhập qua công ty khác (67%), DN nhập trực tiếp (21%), 12% DN sử dụng cả 2 hình thức
- Các nước cung cấp nguyên liệu chủ yếu là Lào, một số quốc gia ở Châu Phi như Nam Phi, Ghana, Cộng hòa Công-gô. Ngoài ra còn có New Zealand và một nước ở Châu Mỹ
- Đa số gỗ nhập không có giấy chứng nhận nào (74%), 21% có giấy chứng nhận FSC, 2% VLC, 3% các loại khác.



2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Thị trường xuất khẩu/buôn bán nước ngoài:

- EU: chỉ có 5 doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường này. Có 3 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu vào EU đạt 50-80%, 2 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu vào EU đạt 10-50%, còn lại 1 doanh nghiệp đạt dưới 10 %
- Mỹ: Có 7 doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường Mỹ. Có duy nhất 1 doanh nghiệp có kim ngạch đạt 80-100% tại thị trường này. Còn lại đa số doanh nghiệp đạt kim ngạch ở mức 50-80%, 10-50% và dưới 10%.
- Ngoài ra còn lượng nhỏ doanh nghiệp xuất khẩu vào Nhật Bản, Trung Quốc, Úc...

Thị trường xuất khẩu/buôn bán nội địa:

- Hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ tập trung tại thị trường này.
- Số doanh nghiệp đạt kim ngạch từ 80-100% chiếm số lượng lớn lên tới 58 doanh nghiệp.
- Còn lại phân bổ cho các kim ngạch 50-80%, 10-50%. Không có doanh nghiệp nào ở có kim ngạch tại thị trường nội địa dưới 10%.

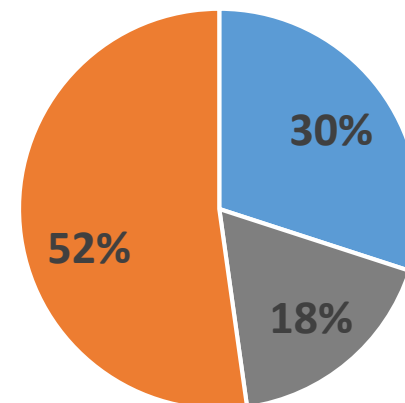
2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Yêu cầu về kê khai và báo cáo kiểm soát chuỗi cung:

- **27 DN** (đa số là doanh nghiệp xuất khẩu) chiếm 30% tổng số DN tuân thủ và đáp ứng đầy đủ 16 quy định về nguồn gốc gỗ đối với gỗ có nguồn gốc trong nước.
- **16 DN** chưa đáp ứng đầy đủ hoặc không đáp ứng đúng toàn bộ quy định.
- **47 DN** không đưa ra câu trả lời trong vấn đề này

Đối với gỗ có nguồn gốc nhập khẩu chiếm phần lớn số lượng DN tuân thủ đầy đủ vẫn là các DN xuất khẩu

Đối với gỗ có nguồn gốc trong nước:

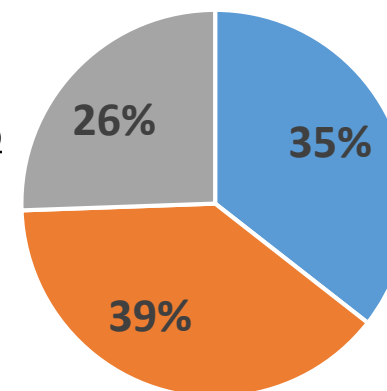


■ Tuân thủ đầy đủ

■ Chưa tuân thủ đầy đủ

■ Không trả lời

Đối với gỗ có nguồn gốc nhập khẩu:



■ Tuân thủ đầy đủ

■ Không trả lời

■ Chưa tuân thủ đầy đủ

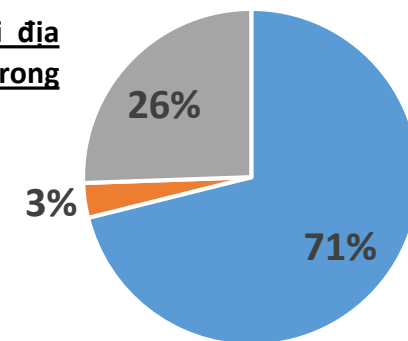
2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Doanh nghiệp có đảm bảo lưu trữ đầy đủ thông tin về lưu thông, chế biến, bán/xuất khẩu gỗ?

- **64 DN (71%)** đã tuân thủ các quy định về việc lưu thông gỗ trong nước.
- **23 DN (26%)** chưa tuân thủ đầy đủ. Chủ yếu là các DN nhỏ, lưu trữ thông tin, tài liệu còn gặp nhiều khó khăn.
- **16 DN** chưa đáp ứng đầy đủ hoặc không đáp ứng toàn bộ quy định.

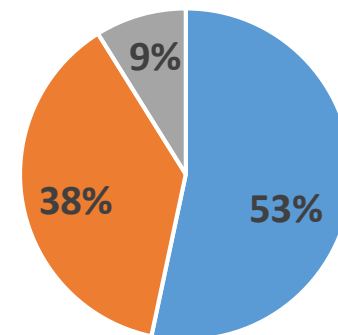
Đối với gỗ nhập khẩu lưu thông trong nước vẫn còn 9% tổng số 90 DN chưa tuân thủ đầy đủ, 38% không đưa ra câu trả lời

Đối với gỗ nội địa lưu thông trong nước:



■ Tuân thủ đầy đủ ■ Không trả lời ■ Chưa tuân thủ đầy đủ

Đối với gỗ nhập khẩu lưu thông trong nước:

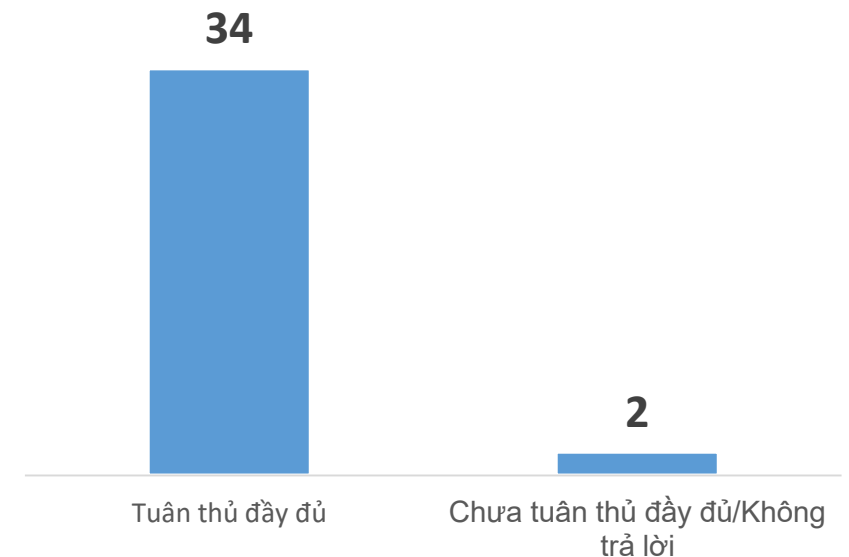


■ Tuân thủ đầy đủ ■ Không trả lời ■ Chưa tuân thủ đầy đủ

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

- Đối với gỗ xuất khẩu: Tất cả **36 DN** xuất khẩu đều tuân thủ tốt toàn bộ quy định về lưu thông đối với gỗ xuất khẩu
- **34 DN** có hệ thống lưu trữ hồ sơ về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp
- **2 DN** chưa tuân thủ đầy đủ/không trả lời

Tuân thủ quy định về hồ sơ xuất khẩu



2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Đối với việc lưu trữ đầy đủ thông tin bằng chứng để chứng minh nguồn gốc gỗ là hợp pháp:

- các DN nhỏ, **không đủ nhân lực quản lí, sắp xếp bảo quản tài liệu dễ mất và thất lạc (16 DN)**
- Đa số các DN lưu đầy đủ

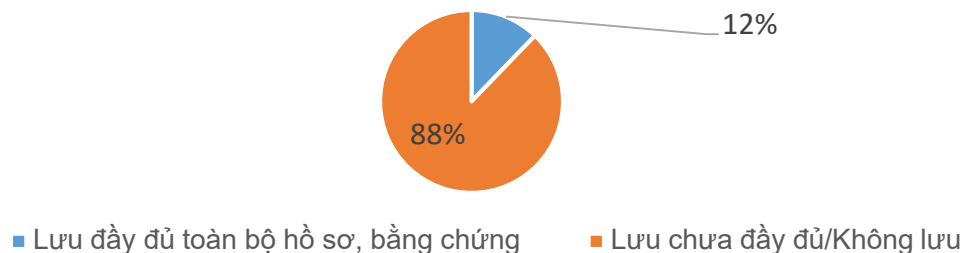
Đối với việc lưu trữ đầy đủ thông tin về lưu thông, chế biến, bán/xuất khẩu gỗ:

- Chỉ có các **DN xuất khẩu** là đáp ứng đầy đủ còn lại hầu hết các DN bán trong nước chưa chú tâm đến vấn đề lưu trữ này

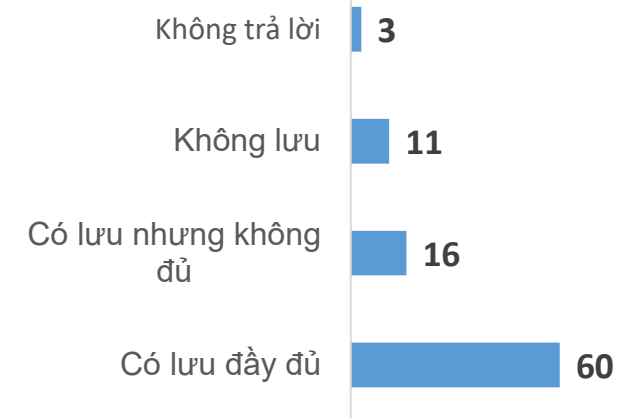
Hệ thống lưu trữ hồ sơ về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của DN

- Đa số doanh nghiệp hiện tại mới lưu theo cách **thụ động, chưa có hệ thống** và rất khó để kiểm soát, giải trình

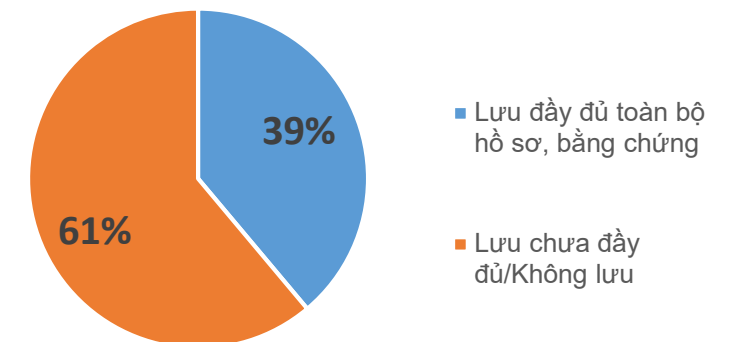
Hệ thống lưu trữ hồ sơ về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp



Doanh nghiệp có đảm bảo lưu trữ đầy đủ thông tin bằng chứng để chứng minh nguồn gốc gỗ là hợp pháp hay không?



Doanh nghiệp có đảm bảo lưu trữ đầy đủ thông tin về lưu thông, chế biến, bán/xuất khẩu gỗ?



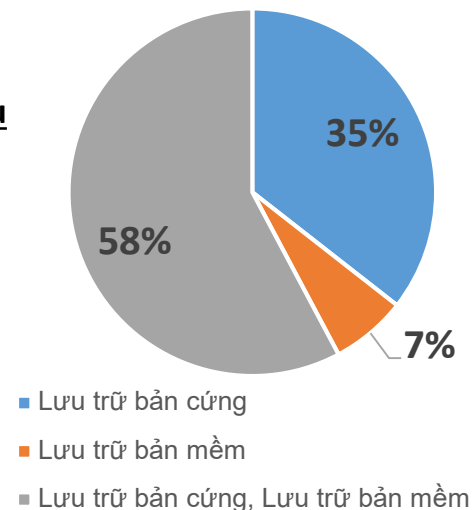
2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Các công cụ hỗ trợ trong quản lý, lưu trữ thông tin cho doanh nghiệp trong sản xuất

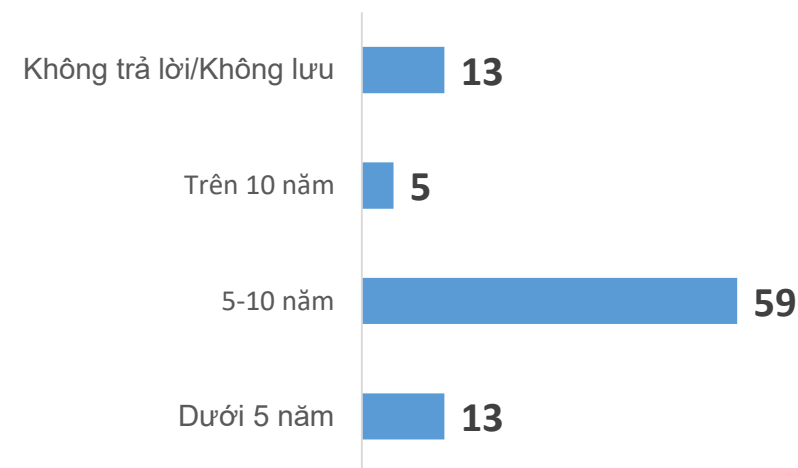
Chưa có nhiều doanh nghiệp áp dụng các công cụ này

- Đa số DN sử dụng song song phương thức lưu trữ hồ sơ bằng bản cứng và bản mềm (58% tổng 90 DN)
- 35% DN chỉ lưu bản cứng, 7% chỉ lưu bản mềm
- Phần lớn DN có thời gian lưu trữ 5-10 năm (59 DN)
- 13 DN thời gian lưu trữ dưới 5 năm, 5 DN trên 10 năm

Cách thức lưu

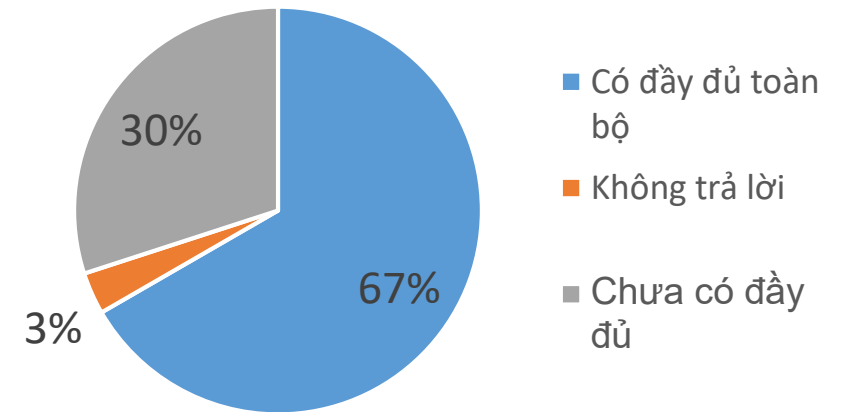


Thời gian lưu



2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

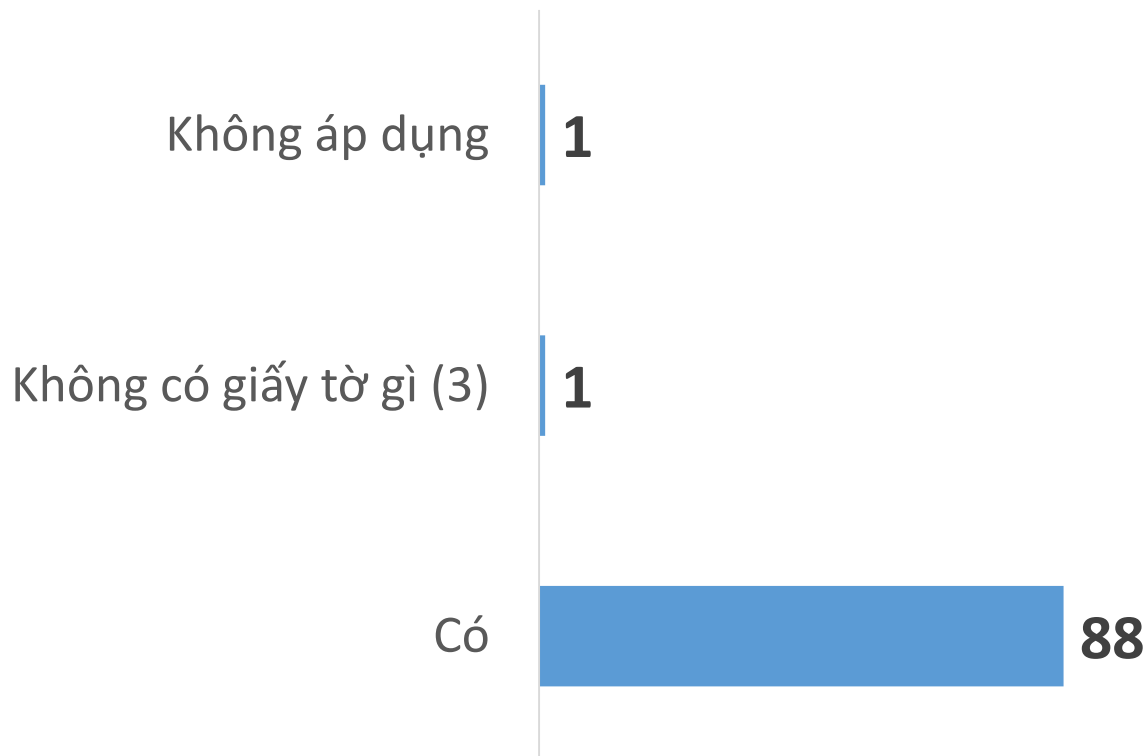
- Có 67% tổng số doanh nghiệp đã có đầy đủ các quy định về môi trường như : Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Có kế hoạch bảo vệ môi trường...
- 30% số doanh nghiệp chưa có đầy đủ.
- 3% không trả lời.



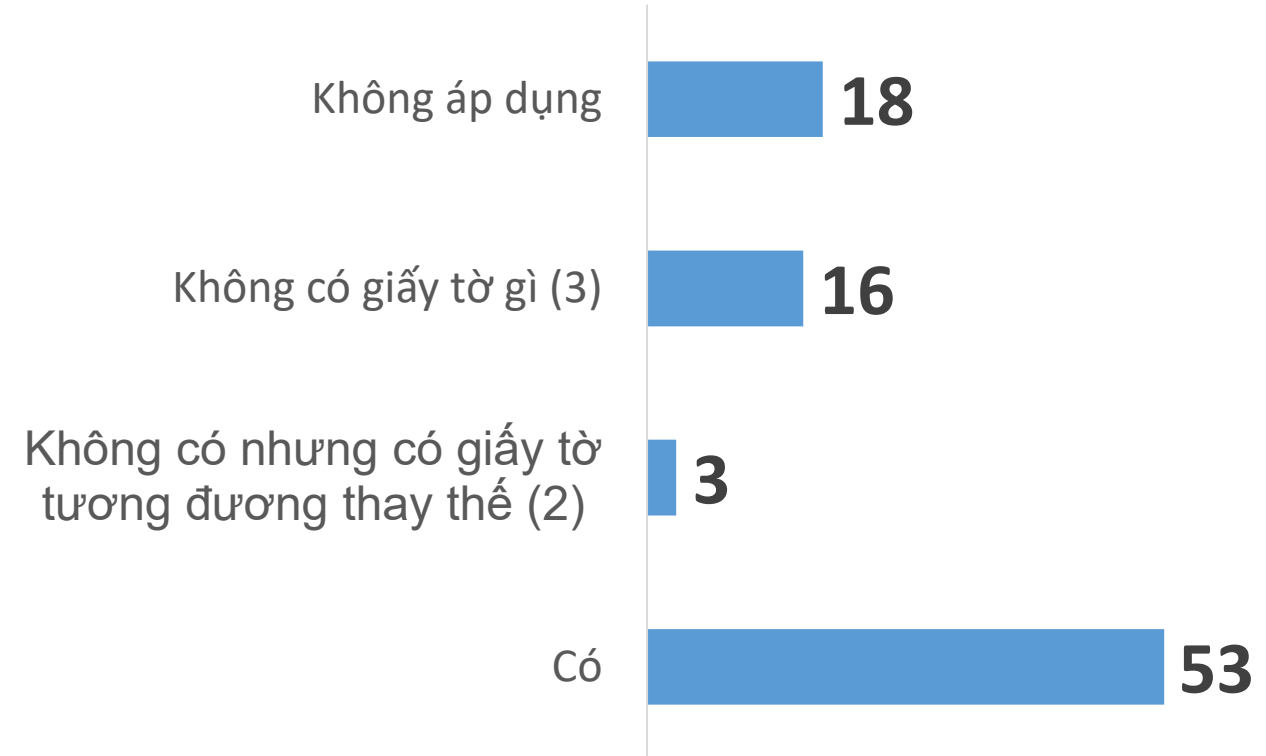
2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Trên 90% doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ về quy định PCCC, lập sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản

Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản



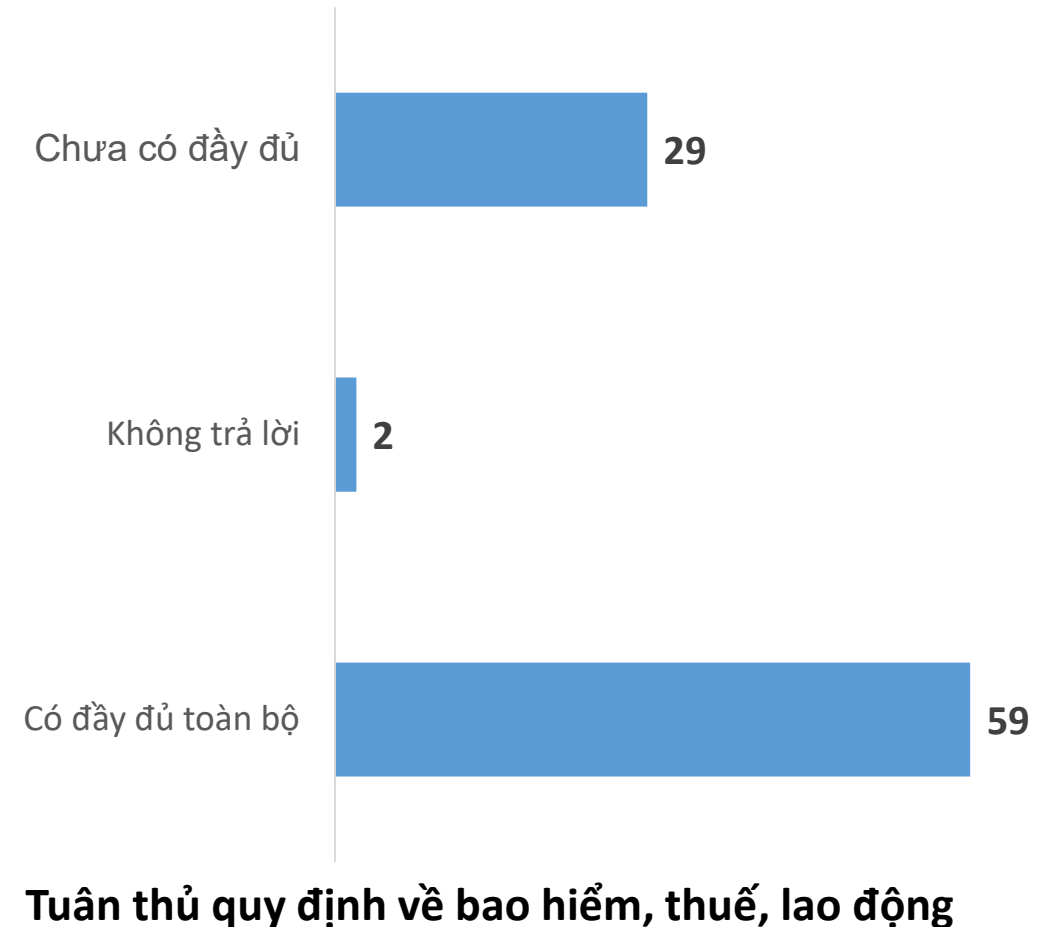
Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về PCCC



Có 53

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

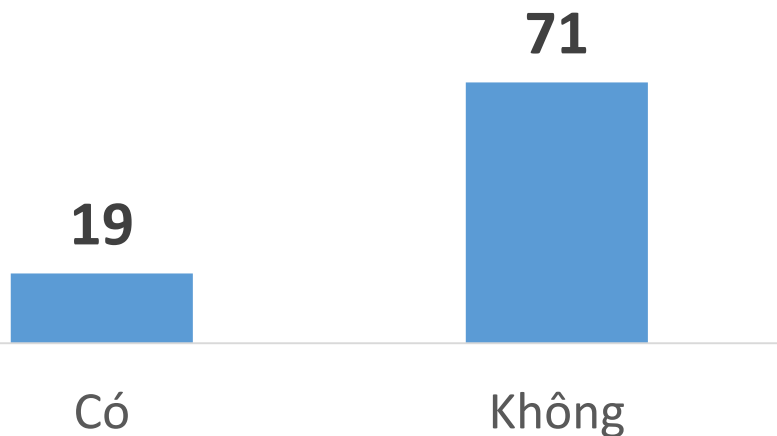
- Do phần lớn các doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa, số lượng lao động thời vụ lớn nên việc duy trì và tuân thủ các quy định về bảo hiểm với các DN này gặp rất nhiều khó khăn.
- 100% doanh nghiệp tuân thủ các quy định về thuế
- 55 doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ các quy định về lao động
- 35 doanh nghiệp chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về lao động



2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Tình trạng vi phạm

Doanh nghiệp có từng bị xử lý hành chính...



Có 19 doanh nghiệp từng bị xử lý hành do vi phạm

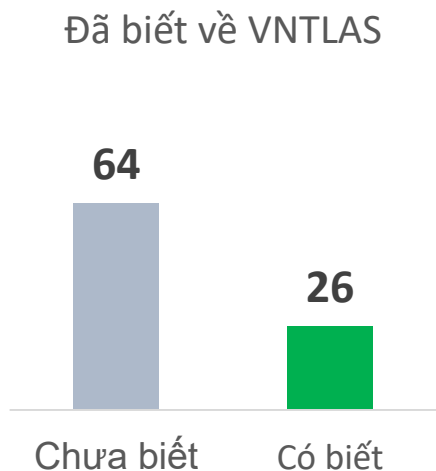
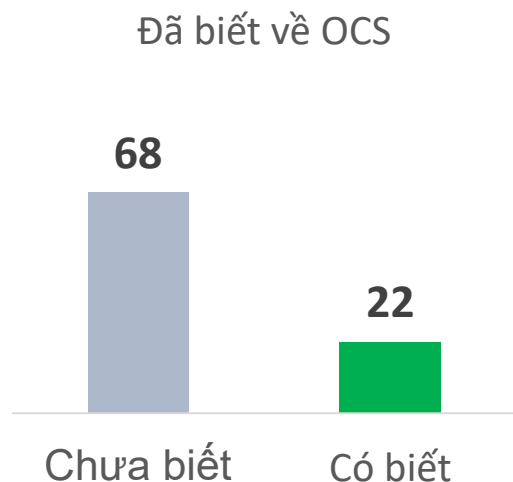
- Thiếu sót một số giấy tờ và hồ sơ thủ tục
- Vi phạm về thời gian kê khai thuế
- Sai quy cách sản phẩm, giấy tờ không hợp lệ
- Không kê khai bản kê lâm sản
- Không lưu hồ sơ
- Phòng cháy chữa cháy
- Hợp đồng lao động và bảo hiểm
- Phòng cháy chữa cháy
- Chậm nộp báo cáo...

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Mức độ hiểu biết và tiếp cận thông tin của doanh nghiệp đối với các khái niệm: LD hợp pháp, VNTLAS, OCS

- **43** DN (48%) đã từng tham gia các sự kiện, hoạt động liên quan đến các quy định về gỗ hợp pháp như FLEGT/VPA, LD, VNTLAS
- 43 DN đó, có 27 DN tiếp cận thông tin qua hội thảo nâng cao nhận thức, 21 DN được tiếp cận thông qua các khóa đào tạo, các khóa đào khác

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)



Chỉ có 22 DN đã biết về hệ thống OCS

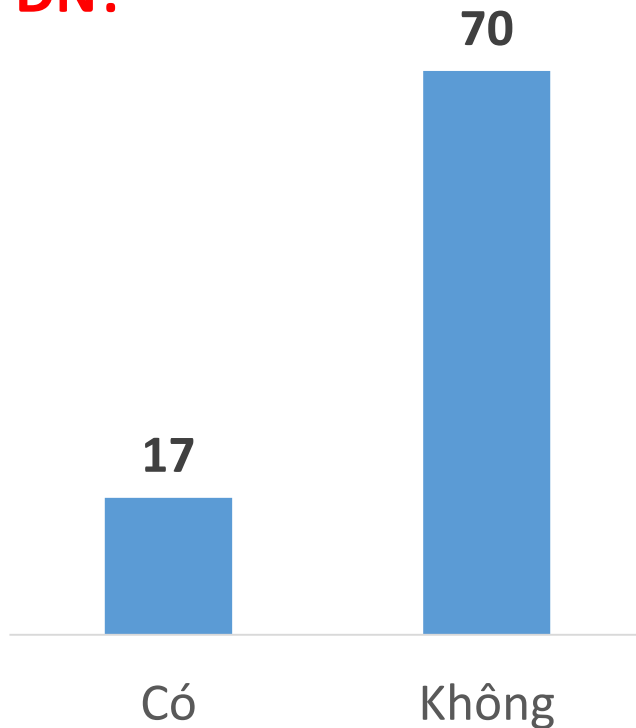
13/22 DN hoàn toàn có thể đáp ứng được các yêu cầu của DN loại 1

9/22 DN không đáp ứng được, khó khăn mà họ gặp phải là:

- Do công việc không ổn định, sản xuất tùy theo mùa vụ và theo đơn đặt hàng
- Do thị trường công việc không ổn định
- Khó kết nối và mở rộng thị trường để phát triển
- Chưa nắm rõ các tiêu chí, điều kiện của DN loại 1 và loại 2
- Vì chỉ mới biết thông tin, chưa tự đánh giá nên chưa biết vướng mắc gì
- Công nhân trình độ văn hóa thấp, thường làm giống như thời vụ, và thiếu thông tin về hiệp định

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

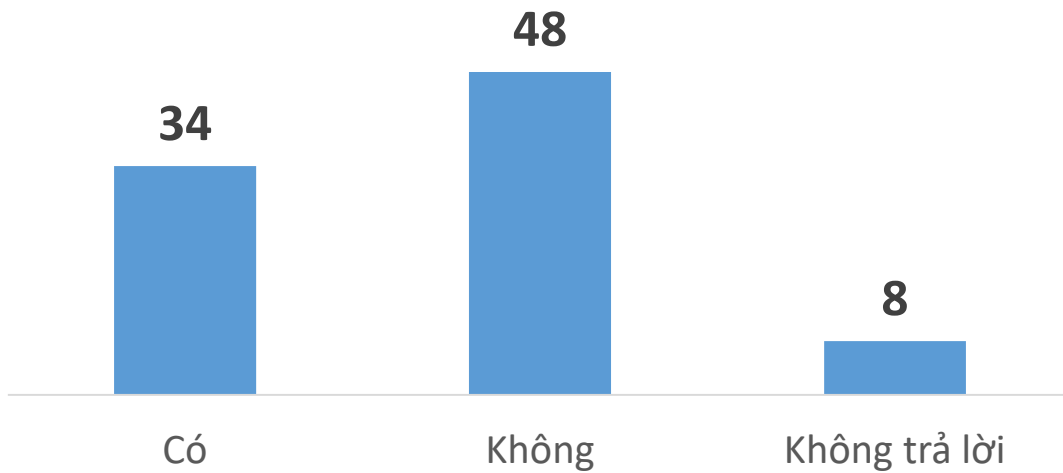
Có cần thêm các cơ quan khác tham gia vào phân loại DN?



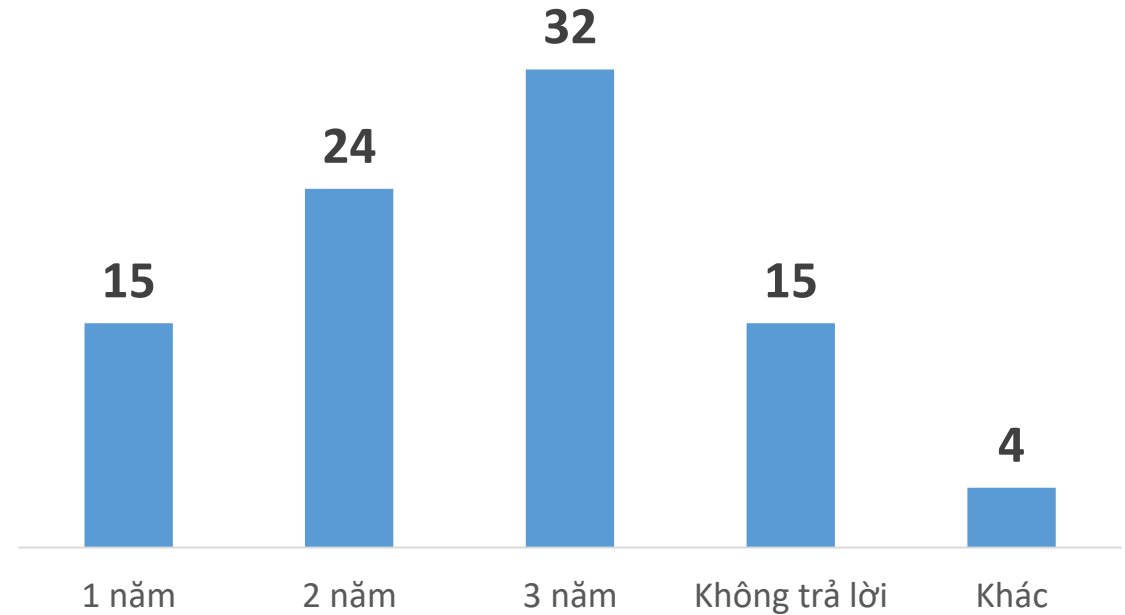
Cục Kiểm lâm là cơ quan có thẩm quyền phân loại doanh nghiệp, **70 DN** đồng tình với nội dung này, **17 DN** cho rằng cần có thêm cơ quan khác tham gia vào công đoạn này, như: Hiệp hội DN, phòng TMCN VCCI, Cơ quan quản lý thuế, cơ quan quản lý lao động, cơ quan y tế, Hiệp hội gỗ/Chế biến gỗ, Hải Quan vì họ biết nguồn gỗ nhập - xuất, Hiệp hội khoa học/nghề/ sản xuất gỗ, Cơ quan độc lập, Bộ công thương

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Có cần thiết có một mạng lưới giám sát
độc lập ...



Thời gian đánh giá lại doanh nghiệp



2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Một số lí do chính mà DN chưa muốn có mạng lưới giám sát độc lập

- Cơ quan nhà nước thực hiện một cách nghiêm túc là được
- cơ quan nhà nước đang thực thi tốt
- Chưa cần thiết, cơ quan nhà nước làm khách quan là được
- Cồng kềnh, sợ ít hiệu quả
- Vì chưa hình dung được quá trình thực hiện công việc này như thế nào
- Không muốn làm phức tạp để các công ty tiếp cận dễ dàng

2. Kết quả đánh giá doanh nghiệp (tiếp)

Một số lí do chính mà DN muốn có mạng lưới giám sát độc lập

- Tổ chức phi chính phủ, các tổ chức độc lập mà hoạt động không phụ thuộc vào nhà nước
- Hiệp hội doanh nghiệp, các doanh nghiệp trên địa bàn
- Chi cục/hạt kiểm lâm; Hiệp hội DN; Phòng TMCN VN VCCI
- Hội hội doanh nghiệp
- Những đơn vị nào không ràng buộc pháp lý; chỉ để tư vấn cho doanh nghiệp thực hiện phù hợp hơn

3. Kết quả khảo sát cơ quan liên quan

Từ ngày 16 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018, nhóm khảo sát đã tiến hành phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm với 29 người đại diện cho 16 đơn vị (Quảng Trị 10, Đồng Nai 6), trong đó có:

- 5 cơ quan nhà nước đó là: Sở TNMT Quảng Trị, Sở LĐ&TBXH Quảng Trị, Sở Công thương Quảng Trị, Chi cục Kiểm lâm Quảng Trị và Chi cục Kiểm lâm Đồng Nai.
- 4 Hiệp hội doanh nghiệp: Hiệp hội chế biến xuất khẩu lâm đặc sản Quảng Trị; Hiệp hội gỗ và Mỹ nghệ Đồng Nai; Hiệp hội Cao su Việt Nam (phụ trách Đồng Nai); Hiệp hội gỗ Đồng Nai
- 7 tổ chức xã hội như: VCCI TP. Hồ Chí Minh phụ trách Đồng Nai, Câu lạc bộ Lâm nghiệp Quảng Trị, Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Quảng Trị,...

Phần lớn những đại diện tham gia phỏng vấn đều thuộc cấp quản lý.

3. Kết quả khảo sát cơ quan liên quan (tiếp)

Nhu cầu nâng cao năng lực về VNTLAS, OCS

- Chi cục kiểm lâm và các Hiệp hội gỗ thường xuyên được cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất nên họ hiểu tương đối rõ các nội dung về VPA, FLEGT, LD. Họ cũng biết rõ vai trò của mình trong chuỗi cung ứng
- Còn lại, có một số tham dự một số ít cơ quan, đơn vị được tham gia vào các lớp tập huấn, hội thảo có liên quan đến VPA, FLEGT, tuy nhiên, những đơn vị này cũng chưa nắm rõ các nội dung về LD, VNTLAS, OCS,
- Nhiều doanh nghiệp sẵn sàng tham gia hỗ trợ kỹ thuật cho DN nhưng họ cần được cung cấp kiến thức về các nội dung trên và cần được nâng cao năng lực truyền thông.

3. Kết quả khảo sát cơ quan liên quan (tiếp)

Nhận định của các cơ quan, hiệp hội, tổ chức xã hội

- Việc giám sát việc thực hiện phân loại doanh nghiệp gỗ ở địa phương là cần thiết để có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp phép FLEGT.
- Việc tổ chức thực hiện giám sát phân loại doanh nghiệp gỗ tại địa phương nên thông qua cơ quan quản lý Nhà nước cùng phối hợp với các hội, hiệp hội ngành hàng có liên quan.

3. Kết quả khảo sát cơ quan liên quan (tiếp)

Câu lạc bộ lâm nghiệp Quảng Trị nêu ra một số đơn vị có thể tham gia vào mạng lưới giám sát độc lập tại địa phương gồm:

- Liên minh HTX tỉnh Quảng Trị
- Câu lạc bộ Lâm nghiệp Quảng Trị
- Thành viên trực thuộc Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh Quảng Trị
- Hiệp hội chế biến lâm đặc sản xuất khẩu Quảng Trị
- Hội Bảo vệ rừng và đa dạng sinh học
- Hội các nhóm hộ có chứng chỉ rừng FSC

4. Các phát hiện chính

- Các DN khảo sát đa số quy mô nhỏ (25 DN doanh thu dưới 3 tỷ, 59 > 3 tỷ < 50 tỷ);
- Quy mô lao động nhỏ (đa số dưới 10 lao động hoặc từ 100-200 lao động), số lao động mùa vụ tương đương lao động thường xuyên
- Ngành nghề đăng ký khá đa dạng, tuy nhiên thực tế tập trung mua bán gỗ và SP gỗ, sơ chế, sản xuất, và nhập khẩu chủ yếu tiêu thụ nội địa (60 số DN có dùng gỗ nhập khẩu)
- Các hộ gia đình chủ yếu mua gỗ thông qua các công ty và sản xuất chế biến tiêu thụ nội địa (chỉ có 5 DN có hàng xuất đi EU và có 7 DN có hàng xuất đi Mỹ)

4. Các phát hiện chính (tiếp)

Mức độ đáp ứng về LD của các DN này đều chưa cao

- Đáp ứng yêu cầu về kê khai và báo cáo kiểm soát chuỗi cung (chỉ có 30% gỗ nội địa và 35% gỗ nhập khẩu từ các DN đáp ứng)
- Các DN đã có ý thức lưu trữ giấy tờ thông tin liên quan đến vận chuyển, chế biến khai thác gỗ (gỗ nội địa 71%, gỗ nhập khẩu 35%). Các DN xuất khẩu đáp ứng tốt hơn (trong 36 DN xuất khẩu chỉ có 2 DN chưa lưu thông tin đầy đủ).
- Tuy nhiên đa số doanh nghiệp hiện tại mới lưu theo cách thụ động, chưa có hệ thống và rất khó để kiểm soát, giải trình khi bị kiểm tra hoặc yêu cầu giải trình (trong số DN khảo sát chỉ có 12% DN có hệ thống thông tin rõ ràng dễ truy soát, còn lại 88% không rõ ràng, khó tìm hồ sơ tài liệu), chỉ có 6% số DN khảo sát có sử dụng các công cụ lưu trữ thông tin.

4. Các phát hiện chính (tiếp)

- Có 67% tổng số doanh nghiệp đã có đầy đủ các quy định về môi trường (ví dụ: Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; Có kế hoạch bảo vệ môi trường... 30% số doanh nghiệp chưa có đầy đủ.)
- 100% doanh nghiệp tuân thủ các quy định về thuế; 55 doanh nghiệp tuân thủ đầy đủ các quy định về lao động; 35 doanh nghiệp chưa tuân thủ đầy đủ các quy định về lao động
- Do phần lớn các doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa, số lượng lao động thời vụ lớn nên việc duy trì và tuân thủ các quy định về bảo hiểm với các DN này gặp rất nhiều khó khăn.

4. Các phát hiện chính (tiếp)

- Có 19 doanh nghiệp từng bị xử lý hành do vi phạm (Thiếu sót một số giấy tờ và hồ sơ thủ tục, Vi phạm về thời gian kê khai thuế, Sai quy cách sản phẩm, giấy tờ không hợp lệ, Không kê khai bản kê lâm sản, Không lưu hồ sơ, Phòng cháy chữa cháy, Hợp đồng lao động và bảo hiểm, Chậm nộp báo cáo...)
- Khảo sát cho thấy, chỉ có 22 DN đã biết về hệ thống phân loại và theo tự đánh giá thì có 13/22 DN hoàn toàn có thể đáp ứng được các yêu cầu của DN loại 1, 9/22 DN không đáp ứng được (Do công việc không ổn định, sản xuất tùy theo mùa vụ và theo đơn đặt hàng, Do thị trường công việc không ổn định, Khó kết nối và mở rộng thị trường để phát triển, Chưa nắm rõ các tiêu chí, điều kiện của DN loại 1 và loại 2)
- Có thể thấy mối liên hệ giữa kiểm lâm và các DN khá tốt (70% DN cho rằng chỉ cần cơ quan kiểm lâm tham gia vào OCS và 48% cho rằng không cần có hệ thống giám sát độc lập (do hiện nay cơ quan nhà nước đang làm tốt)
- Các DN có nhu cầu hỗ trợ cung cấp thông tin về VNTLAS và OCS, thông qua hội thảo tập huấn, tài liệu hướng dẫn

4. Các phát hiện chính (tiếp)

Các cơ quan liên quan cấp tỉnh

- Chi cục kiểm lâm và các Hiệp hội gỗ thường xuyên được cập nhật những văn bản pháp luật mới nhất nên họ hiểu tương đối rõ các nội dung về VPA, FLEGT, LD. Họ cũng biết rõ vai trò của mình trong chuỗi cung ứng (tuy nhiên họ cần được cung cấp thông tin cập nhật và đào tạo)
- Việc giám sát việc thực hiện OCS ở địa phương là cần thiết để có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc cấp phép FLEGT, và nên thông qua cơ quan quản lý Nhà nước cùng phối hợp với các hội, hiệp hội ngành hàng có liên quan.

5. Đề xuất sơ bộ

- Cần quan tâm hỗ trợ các DN quy mô nhỏ giúp họ đáp ứng yêu cầu VNTLAS (các tổ chức địa phương đóng vai trò quan trọng)
- Giải quyết vấn đề lao động thời vụ, hợp đồng lao động giúp DN tuân thủ các yêu cầu hiện tại
- Các DN cần được hỗ trợ để nâng cao trình độ quản trị DN (hệ thống quản lý, thông tin ...)
- Cần thành lập mạng lưới hỗ trợ DN cấp tỉnh giúp họ tuân thủ các yêu cầu của VNTLAS, LD và OCS sau này

Một số hình ảnh đợt đánh giá của dự án



Thank you!